

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày 04 - 10 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bình

Ông Đào Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 01 tháng 11 năm: 1993 tại Mộc Hóa, Long An; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Đ; Có vợ tên Lê Thị Kiều Tr, sinh năm 1995 (sống ly thân); Có một người con tên Nguyễn Minh Đ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại điều tra đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Phan Minh H, sinh năm: 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thanh Tùng, sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Ông Phan Minh T, sinh năm: 1986 (có mặt).

Ông Phan Văn Cu, sinh năm: 1958 (có mặt).

Tất cả cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An

- Người làm chứng:

Ông Phạm Ngọc H, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Ấp 1, xã Thạnh Trị, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt).

Ông Lê Văn T, sinh năm: 1977; Địa chỉ cư trú: Ấp Ông Nhan Tây, xã Bình Hiệp, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKSKT ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Phát Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Vào khoảng 17 giờ ngày 02/02/2018 Nguyễn Phát Đ, sinh năm: 1993 với Phan Minh H, sinh năm: 1990 cùng ngụ ấp Bàu Vuông, xã Thạnh Hưng, thị xã K và bạn của Đ tên T mới quen không rõ địa chỉ, cùng hát karaoke tại phòng số 1, quán 126 thuộc khu phố 1, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An. Đ định về nhưng H kêu hát thêm chút nữa, lúc này Đ sợ thiếu tiền trả quán nên nảy sinh ý định muốn chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 62U1-027.84 của H đem cầm lấy tiền trả tiền quán và đi rước bạn gái ở Thành phố Hồ Chí Minh về. Đ đặt chuyện hỏi mượn chìa khóa xe của H để mở cốp cất con dao gọt trái cây, H tưởng thật đưa chìa khóa xe cho Đ, sau khi Đ lấy được xe 62U1-027.84 chạy thẳng vào cửa khẩu B gặp Lê Văn T (N) nhờ đem cầm xe trên nhưng T nói cầm quá 7 ngày không chuộc sẽ bị mất, do vậy nên Đ không cầm mà một mình điều khiển xe trên chạy lên quận 9, thành phố Hồ Chí Minh tìm bạn gái tên Nguyễn Ngọc H (quê ở Kiên Giang) nhưng không gặp. Đ đến phòng trọ bạn tên S ở quận 7, thành phố Hồ Chí Minh (do trước đây làm chung công ty vệ sĩ) ở nhờ. Đến ngày 04/02/2018 Đ điện thoại nhờ Phạm Ngọc H dẫn đến khu vực ngã tư An Suông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh cầm xe mô tô 62U1-027.84 cho người đàn ông không quen ở ngoài đường giá 3.000.000 đồng một mình Đ tiêu xài cá nhân hết sau đó về báo cho gia đình biết sự việc và đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng không thu giữ được: Một xe mô tô nhãn hiệu honda biển kiểm soát: 62U1-027.84, số máy: JA36E0027304, số khung: RLHJA3620EY007518.

Tại bản kết luận định giá số 12/KL-HĐ-ĐGTS ngày 28/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thị xã K xác định giá trị còn lại của xe mô tô biển kiểm soát 62U1-027.84 là 13.975.000 đồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phát Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 50; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Phát Đ từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hưng, thị xã K theo dõi, giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 175 thì hành vi của bị cáo Đ có thể phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Nhưng bị cáo Đ không nghề nghiệp nên đề nghị miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với ông Phan Minh H là người bị hại tuy không có mặt tại phiên tòa, nhưng theo hồ sơ vụ án ông H đã được bị cáo mua xe mới bồi thường xong không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với ông Phan Minh T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã ứng trước cho bị cáo Nguyễn Phát Đ 4.500.000 đồng để mua xe trả cho ông Phan Minh H. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T chỉ yêu cầu bị cáo Nguyễn Phát Đ hoàn trả lại 2.500.000 đồng được bị cáo Đ đồng ý nên công nhận sự thỏa thuận này là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Thanh T đưa cho ông Phan Minh T 15.000.000 đồng và cùng đi mua xe với ông T để trả cho ông H. Tuy không có mặt tại phiên tòa nhưng theo hồ sơ vụ án ông T thừa nhận số tiền đưa cho ông T là tiền của gia đình bị cáo Đ nhờ đưa cho ông T mua xe để trả cho ông H chứ không phải tiền của ông T nên không xem xét.

Về lời trình bày của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T, người làm chứng vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Phát Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo để xét xử về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng người, đúng tội không oan. Lời khai nhận tội của bị cáo Đ tại phiên tòa hôm nay, được đối chiếu với kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Bị cáo Nguyễn Phát Đ biết rõ tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ khi có hành vi trái pháp luật xâm phạm, nhưng bị cáo dùng thủ đoạn gian dối hỏi mượn chìa khóa xe của ông H để mở cốp cất con dao gọt trái cây. Ông H tưởng thật giao chìa khóa xe thì bị cáo chạy thẳng vào cửa khẩu B cảm không được nên chạy xe đến thành phố Hồ Chí Minh nhờ Phạm Ngọc H dẫn đến khu vực ngã tư An Suông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh chiếm đoạt trót lọt xe mô tô biển kiểm soát số 62U1-027.84 của ông Phan Minh H cầm được 3.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

[3] Giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 13.975.000 đồng.

[4] Như vậy, đã có đầy đủ căn cứ pháp lý để kết luận rằng hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Phát Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An truy tố bị cáo Đ ra Tòa để xét xử theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo Đ là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông H, mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây xôn xao dư luận trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của bị cáo Đ bị pháp luật nghiêm cấm. Do đó, cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự mới giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, mà có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Tự nguyện bồi thường thiệt hại; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ

sung năm 2017. Ngoài ra bị cáo có tình tình giảm nhẹ khác là gia đình có công với cách mạng được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mặc khác, bị cáo có nhân thân tốt chưa tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và xét thấy nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó bị cáo Nguyễn Phát Đ có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo với thời gian dài thử thách, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với ông Phan Minh H là người bị hại tuy không có mặt tại phiên tòa, nhưng theo hồ sơ vụ án ông H đã được bị cáo mua xe mới bồi thường xong không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với ông Phan Minh T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã ứng trước cho bị cáo Nguyễn Phát Đ 4.500.000 đồng để mua xe trả cho ông Phan Minh H. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T chỉ yêu cầu bị cáo Nguyễn Phát Đ hoàn trả lại 2.500.000 đồng được bị cáo Đ đồng ý nên công nhận sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại điều 585 của Bộ luật dân sự.

Đối với ông Nguyễn Thanh Tùng đưa cho ông Phan Minh T 15.000.000 đồng và cùng đi mua xe với ông T để trả cho ông Phan Minh H tuy không có mặt tại phiên tòa nhưng theo hồ sơ vụ án ông Tùng thừa nhận số tiền đưa cho ông T 15.000.000 đồng là tiền của gia đình bị cáo Đ (bà Diệp mẹ ruột bị cáo) nhờ đưa cho ông T và cùng đi mua xe với ông T để trả cho ông H chứ không phải tiền của ông Tùng nên không xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ án dân sự khác.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 175 thì hành vi của bị cáo Đ có thể phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Nhưng bị cáo Đ không nghề nghiệp nên miễn phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

[9] Từ những nhận xét nêu trên cũng như qua tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật nên chấp nhận.

[10] Về án phí theo quy định của pháp luật buộc bị cáo Nguyễn Phát Đ phải chịu tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 50; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Phát Đ 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04 tháng 10 năm 2018).

Giao bị cáo Nguyễn Phát Đ cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp Nguyễn Phát Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự ghi nhận tự nguyện thỏa thuận giữa ông Phan Minh T với bị cáo Nguyễn Phát Đ. Bị cáo Nguyễn Phát Đ hoàn trả lại ông Phan Minh T số tiền mua xe trả cho Phan Minh H là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bị cáo Nguyễn Phát Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo Đ, ông T, ông Cu. Báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông H và ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã, tỉnh;
- Cảnh sát điều tra Công an TXKT;
- Chi cục THADS thị xã;
- Bị cáo, bị hại, liên quan;
- Đội CSTHAHS và hỗ trợ tư pháp;
- Thi hành án phạt tù.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

